

VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH PHÁT ĐỘNG
CỦA MẠNG LƯỚI QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG BỀ MẶT
(kể cả quan trắc bước xa)

Lê Đức Thiệu
Cục KTDTCB

VÌ MẠNG lưới quan trắc khí tượng bề mặt từ ngày thống nhất nước ta đến nay có nhiều đổi mới so với thời kỳ chiến tranh chống Mỹ.

Số trạm khí tượng khí hậu từ 120 năm 1972, tăng lên 176 năm 1978 và 156 năm 1983.

Số điểm đo bước xa từ 9 điểm năm 1972, tăng lên 12 điểm năm 1978 và 14 điểm năm 1983.

Số điểm đo mưa từ 700 điểm năm 1972 tăng lên 1250 điểm năm 1978 và 1200 năm 1983 (x).

Mạng lưới quan trắc miền Nam được trang bị mới, từ vườn quan trắc đến dụng cụ đo đạc đều có thay đổi, một ít trang bị cũ được giữ lại, chủ yếu là máy gió tự báo, thùng đo bốc hơi Class-A, một ít khí áp biểu và máy vô tuyến điện thoại.

Mạng trạm ở miền Bắc từng bước được khôi phục, chủ yếu là sửa chữa nhà cửa, bổ sung ít nhiều dụng cụ quan trắc, thay thế điều chỉnh trường trạm và quan trắc viên.

Việc thực hiện quy phạm và quan sát đo đạc cũng như về chính lý số liệu ở trạm thống nhất trên cả nước.

Đội ngũ quan trắc viên trẻ được đào tạo chính quy tại hai trường, có kiến thức chuyên môn hệ thống, các khóa sau được chú ý rèn luyện tay nghề nhiều và kỷ hơn một số khóa đầu.

Từ 01 tháng I năm 1982, cùng với toàn thế giới, mạng lưới trạm khí tượng nước ta, thực hiện Mã luật mới - Một dạng mã luật hoàn toàn khác trước về hình thức cấu trúc và chứa đựng nhiều điểm mới về nội dung.

Ngành ta hiện có một số trạm đã được xây dựng lại hoặc sửa chữa cũng có nhiều mặt, kể cả nề nếp sinh hoạt học tập, cũng như thực hiện quy trình quy phạm, tiêu biểu là một số trạm thuộc Hà Bắc, Hà Sơn Bình, Lai Châu, Đắk Lắk, Bình Trị Thiên ..

Đến những trạm này, ta thấy ngay dáng dấp của một cơ quan khoa học, càng đi sâu càng thấy rõ cách làm ăn nề nếp, chặt chẽ; theo quy trình quy phạm; cách tổ chức nghiêm túc quy củ của một cơ quan, đầu ở đó chỉ có 2 người đơn lẻ hay một tập thể vài ba gia đình cán bộ.

(x) Số điểm đo ở đây tính theo điểm có số liệu, do đó hơi khác với số liệu ghi trong báo cáo hội nghị Ngành.

Ở đó, ta tìm thấy dễ dàng những tài liệu lưu trữ liên quan đến hoạt động của trạm trong nhiều năm; ở đó ta thấy rõ phong cách làm việc giờ nào việc ấy, dứt điểm từng ca, từng ngày, từng tuần và từng tháng; ở đó, máy chạy tốt, chạy đều; máy nào hỏng từ ấy; mỗi thao tác quan trắc đều được tiến hành đúng quy trình quy phạm một cách có ý thức, đầy tinh thần trách nhiệm.

Ở đó, máy sạch, vườn sạch, nhà cửa phong quang, khu vực tăng gia sản xuất chăn nuôi đều có quy hoạch, vệ sinh ngăn nắp.

Ở đó, cũng không có hiện tượng bị lấn chiếm đất, vì lẽ này hay lẽ khác, dẫn đến đe dọa đời trạm và thông thường là không khí sinh hoạt tập thể trong cơ quan đầm ấm, đời sống được cải thiện, mức thu nhập bằng lao động chân chính của cán bộ khá tốt, có tác dụng động viên anh em yên tâm phấn khởi tiếp tục xây dựng trạm ngày một tốt hơn.

Đó là những trạm tiêu biểu có số liệu kịp thời, khối lượng đầy đủ và chất lượng tốt.

Nói chung, nếp sống và công tác ở nhiều trạm trong ngành còn in đậm dấu ấn "thời chiến" - không phải theo nghĩa khẩn trương, ngăn nắp, quân sự hóa mà theo nghĩa linh động, tùy tiện, nơi ăn ở và làm việc ít được chăm sóc tu bổ cho khang trang sạch đẹp, nhiều trạm của ta còn mang nặng hình ảnh một gia đình nông thôn. Nhiều việc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng bị lãng quên như theo dõi hiệu chỉnh giờ, ca sau soát việc ca trước, bổ sung hồ sơ kỹ thuật, quy toán gian đồ, hay giao nhận ca, vệ sinh bảo quản dụng cụ quan trắc, lập báo biểu, kiểm định máy đo bức xạ trong điều kiện thời tiết cho phép v.v. .

Việc thực hiện quy phạm quan trắc - nhất là giờ giấc trực ca, chưa được nghiêm túc trở lại như thời kỳ trước chiến tranh.

Việc khôi phục hạng mục quan trắc khuyết thường rất chậm, thậm chí không làm, nhất là những hạng mục quy toán lập báo biểu đòi hỏi nhiều thời gian, nhiều công sức như vũ ký, máy gió tự ghi v.v. .

Nhiều trạm không còn sơ đồ tiêu điểm, mất hết những tài liệu "gối đầu giường" của quan trắc viên như quy phạm mã luật, hướng dẫn phân định mây, Atlas mây v.v. .

Nhiều trạm dùng máy quá hạn kiểm định. Máy nhập từ nước ngoài, từng đợt xuất hiện những khó khăn đột xuất. Ví dụ : mùa đông năm 1981, rõ lên tình hình thiếu nhiệt biểu đo cực trị - nhất là nhiệt biểu tối thấp; hai năm nay, thiếu nhiều âm ký.

Máy gió tự ghi còn cho số liệu chủ có 2-3 chiếc; mạng đo nhiệt độ đất ở các độ sâu ngày một co hẹp; mạng lưới khí áp biểu đã rút lại đến mức ít nhất, ở miền Nam hiện dùng một số chiếc hiệu chỉnh khí cụ quá lớn.

Dụng cụ và trang bị của trạm sản xuất trong nước tồn tại nhiều vấn đề; lâu dột, gỗ quá xấu; thùng, ống đo mưa thiếu nghiêm trọng; gian đồ và móc máy cho những đường ghi không chính xác; hàng rào ngăn cách phát thường thiếu cột, thiếu ốc vít, ốc chân lâu, con cóc và tăng-đơ có nhiều loại nhiều khi lắp đặt, thiếu sơn, thiếu đèn

pin, thiếu pin; thiếu đồ bảo đảm thức có độ chính xác và độ bền cần thiết; thiếu bút chì 2B, bút chì xanh đỏ; thiếu kính đêm; thiếu áo choàng, dù che dùng cho quan trắc bức xạ; ăn phẩm chuyên dùng của ngành ngày một xấu vì nguyên liệu không bảo đảm ...

Công tác thông tin liên lạc chưa tốt là một trở ngại lớn trong hoạt động của ngành, mạng phát "obs" dựa vào ngành bưu điện qua đường hữu tuyến thường rất chậm, và tốn phí rất nhiều.

Đời sống của quan trắc viên ở nhiều trạm gặp nhiều khó khăn.

Công tác quản lý mạng lưới từ trung ương đến địa phương chưa có những cơ sở biến rõ rệt ...

Vài năm nay, nhiều người suy nghĩ về chất lượng số liệu, có người e ngại về việc đánh giá chưa đầy đủ, hình như chỉ mới đánh giá chất lượng báo biểu, mà không có phần đánh giá chất lượng quan trắc. Có người cho rằng Trung ương đánh giá hiện nay là chất lượng số liệu sau bước chỉnh lý ở đài, và chất lượng đã qua "bào chế", khác xa với số liệu gốc.

Trước hết phải nói quy chế đánh giá chất lượng số liệu hiện hành, là quy chế đã được hoàn chỉnh trên cơ sở quy chế đánh giá chất lượng báo biểu và quy chế chấm điểm quan trắc viên trước đây, kết hợp với những kiến thức lý thuyết và kinh nghiệm về chỉnh lý kỹ thuật số liệu khí tượng khí hậu.

Do đó, chất lượng được đánh giá là chất lượng nhiều mặt. đương nhiên còn phải bổ sung hoàn chỉnh nhiều hơn nữa, mới mong thể hiện được mọi mối quan hệ đối với số liệu.

Chất lượng số liệu đã qua kiểm soát bước hai, đương nhiên phải tốt hơn và có độ tin cậy cao hơn số liệu ban đầu. Đó cũng chính là mục đích và yêu cầu của công tác chỉnh lý kỹ thuật. Vì vậy, công tác này tiến hành càng tốt thì càng đáng mừng.

Điều đáng chú ý là hiện còn một số đài, ít trạm trực thuộc, không có đủ người làm kiểm soát số liệu, số lượng quan trắc viên vốn ít, lực lượng cán bộ kỹ thuật giúp việc trưởng đài lại mỏng, nên rất vất vả trong việc thực hiện ý đồ nâng cao chất lượng số liệu!

Hiện nay, càng ngày yêu cầu về số liệu càng nhiều, cả về thời gian, khối lượng cũng như về chất lượng.

Để có một mạng lưới trạm đủ sức đáp ứng được yêu cầu đó, khôi phục khả năng hoạt động như thời kỳ trước chiến tranh chống Mỹ đòi hỏi ngành ta phải cố nhiều cố gắng mới, trên nhiều mặt, cố gắng đầu tư xây dựng và trang bị, cố gắng cải tiến quản lý; cố gắng khôi phục nề nếp làm việc chính quy, khoa học; cố gắng cải thiện điều kiện công tác và điều kiện sinh hoạt; cố gắng đào tạo lớp quan trắc viên kế tục về sau, có trình độ khoa học kỹ thuật vững vàng, có ý thức trách nhiệm nghiêm túc, có kỹ năng thao tác lành nghề. Đó là yêu cầu vừa thực tế, vừa cấp bách song cũng đòi hỏi thời gian, đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng nhiều mặt.

Năm nay, lãnh đạo Tổng cục đang chú ý đầu tư nhiều công sức, nhiều tiền của

và trí tuệ vào việc thực hiện chỉ thị 44/TC của Tổng cục trưởng, trước mắt là tập trung mũi nhọn chỉ đạo vào các trạm trọng điểm, trong đó có 21 trạm khí tượng khí hậu.

Tổng kết kế hoạch năm 1983, ngành sẽ rút được nhiều kinh nghiệm quý báu sau gần 2 năm thực hiện chỉ thị này, và chắc sẽ có thêm một số trạm làm mẫu cho toàn mạng lưới học tập./

Bảng 1. Chất lượng số liệu bức xạ từ tháng X/1981-IX/1982.

Tháng	X	XI	XII	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	Tb
Chất lượng													
Trạm													
Lăng	98,5	98,9	97,9	97,2	97,4	94,0	96,3	94,0	92,5	95,3	96,0	95,6	96,8
Phủ liên	97,0	97,5	96,0	92,0	94,0	85,3	95,0	97,5	94,2	86,5	90,5	87,8	93,0
Phủ hộ	+	91,0	84,5	94,5	74,5	63,0	30,6	-	77,0	87,4	-	-	75,4
Cro bằng	84,5	79,0	54,0	69,5	69,5			85,0	76,2	80,0	62,5	3,1	74,3
Sơn la	94,0	81,5	91,5	78,0	84,0	89,0	99,0	92,0	97,5	97,0	97,0	95,5	91,3
Lai châu	92,0	96,3	91,0	86,3	79,0	91,0	95,0	87,0	92,0	94,7	91,1		90,4
Yên định	86,3	90,5	86,5	94,5	93,9	96,5	96,0	97,5	97,0	99,0	99,0	93,0	94,1
Vinh	78,4	89,0	79,0	90,0	90,0	90,1	83,3	90,0	90,1	91,5	90,0	80,6	86,3
Tiên yên			86,5	91,5	91,0	94,2	96,5	90,0	89,5	92,2	93,0		91,6
Đà nẵng	93,9	84,2	92,0	94,4	92,2	92,0	88,4	95,0	92,6	91,6	96,7	97,2	92,5
Đà lạt	64,7	67,9	71,0	80,5	63,5	68,5	85,0	82,0	82,8		87,1	72,5	75,0
Sài gòn		84,0											-
Cần thơ		82,2	83,5	81,5	65,5	73,0	66,3	74,5	86,8	86,1	89,5	91,6	80,0
Phước							<50,0	<50,0		76,8	68,0	74,5	

Ghi chú : + Số liệu chưa phúc thẩm

- Số liệu mới nhận được, chưa kiểm soát.

Khoảng trống : chưa có số liệu.

Bảng 2. Chất lượng số liệu của các trạm khí tượng-khí hậu trung bình từ tháng X/1981 - IX/1982.

Tên đài trạm	Chất lượng	Tên đài trạm	Chất lượng
	%		%
<u>AN GIANG</u>		<u>BẾN TRE</u>	
Châu đốc	98,9	Ba tri	77,5
<u>BẮC THÁI</u>		<u>BÌNH TRI THIÊN</u>	
Bắc cạn	96,4	A lưới	96,3
Đại từ	94,5	Ba đồn	92,6
Định hỏa	96,8	Cồn cỏ	97,0
Thái nguyên	,0	Đồng hà	95,7

tiếp theo bảng 2.

Tên đại trạm	Chất lượng %	Tên đại trạm	Chất lượng %
Đồng hới	95,2	Nam định	-
Huế	93,1	Nho quan	97,7
Khe sanh	93,9	Ninh bình	97,1
Nam đồng	96,9	Văn lý	95,3
Tuyên hóa	94,6		
<u>CAO BẰNG</u>		<u>HÀ SƠN BÌNH</u>	
Bảo lộc	95,8	Chi nê	98,6
Cao bằng	94,6	Chợ bô	Già thế
Chợ rã	95,8	Hà đông	98,1
Ngân sơn	98,8	Hòa bình	99,0
Nguyên bình	95,1	Kim bôi	98,2
Trùng khánh	96,5	Lạc sơn	97,7
		Mai châu	98,0
<u>CUU LONG</u>		<u>HÀ TUYỀN</u>	
Cung long	97,2	Bắc mê	97,2
<u>ĐẮC LẮC</u>		Bắc quang	97,8
Buôn mê thuật	97,9	Chiêm hóa	97,1
Đắk nông	98,8	Hà giang	97,6
M' Đrăk	97,3	Hàm yên	95,4
		Hoàng su phi	96,4
<u>ĐỒNG NAI</u>		Tuyên quang	97,9
Biên hòa	87,8		
<u>ĐỒNG THÁP</u>		<u>HAI HƯNG</u>	
Cao lảnh	93,2	Chỉ linh	97,7
Buôn lữ	96,4	Hải dương	99,0
		Hưng yên	98,5
<u>GIA LAI-KÔNG TUM</u>		<u>HAI PHONG</u>	
Ayutpa	93,7	Bạch long vĩ	98,5
An Khê	93,5	Hòn dẫu	96,4
Công tum	88,4	Phủ liên	95,7
Đắc tổ	96,2		
Pleiku	95,2	<u>HÀU GIANG</u>	
		Cần thơ	94,0
<u>HÀ NỘI</u>		Sóc trăng	90,3
Ba vì	97,8		
Lạng	98,6	<u>T.P. HỒ CHÍ MINH</u>	
<u>HÀ BẮC</u>		Côn đảo	92,4
Bắc giang	98,6	Tân sơn nhất	98,1
Hiệp hòa	98,8	Vũng tàu	92,0
Lục ngạn	97,1		
Sơn động	97,3	<u>HOÀNG LIÊN SƠN</u>	
		Bắc hà	93,6
<u>HÀ NAM NINH</u>		Lục yên	95,7
Hà nam	97,4	Mù cang chải	97,8
Kim sơn	Già thế	Phổ rang	97,9
		Sa pa	97,7

Tên địa trạm	Chất lượng %	Tên địa trạm	Chất lượng %
Than uyên	98,5	Quỳnh lưu	97,1
Văn chán	98,4	Tây hiệu	94,2
Yên bãi	97,6	Trùng dương	92,8
Trần phú		Vinh	91,6
<u>KIÊN GIANG</u>		<u>NGHĨA BÌNH</u>	
Phủ quốc	95,7	Hoài nhơn	96,0
Rạch giả	94,1	Ba tư	96,6
<u>LÂM ĐỒNG</u>		Quảng ngãi	96,4
Bảo lộc	89,5	Qui nhơn	98,1
Đà lạt	85,5	<u>PHU KHÁNH</u>	
Liên khương	89,0	Cam ranh	89,8
<u>LAI CHÂU</u>		Nha trang	95,2
Điện Biên	97,9	Sơn hòa	97,6
Lai châu	98,0	Tuy hòa	95,6
Mường tề	98,7	<u>QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG</u>	
Pha đin	97,7	Đà nẵng	92,5
Sinh hồ	98,7	Tam kỳ	98,3
Tam đường	98,0	Trà mĩ	92,4
Tủa chùa	98,9	<u>QUẢNG NINH</u>	
Tuần giáo	98,0	Bãi cháy	98,6
<u>LANG SƠN</u>		Cô tô	98,7
Bắc sơn	98,0	Cửa ông	97,9
Đỉnh lập	96,4	Quảng hà	98,0
Hữu lũng	97,7	Tiên yên	96,9
Lạng sơn	98,6	Uông bí	98,5
Thất Khê	98,4	<u>SÔNG BÈ</u>	
<u>LONG AN</u>		Đồng phú	81,4
Mộc hóa	96,7	Lộc ninh	
<u>MINH HẢI</u>		Phước long	86,5
Bạc Liêu	93,6	Sở sao	83,4
Cà mau	95,0	<u>SƠN LA</u>	
<u>NGHỆ TĨNH</u>		Bắc yên	92,1
Con cuông	92,2	Cò nòi	97,1
Đô lương	95,7	Mộc châu	96,1
Hà tĩnh	96,7	Phủ yên	95,2
Hòn ngự	91,0	Quỳnh nhai	90,1
Hương Khê	93,0	Sông mã	98,3
Kim cương	96,0	Sơn la	95,7
Kỳ an	92,3	Yên châu	97,5
Quỳ châu	95,0		
Quỳ hợp	95,0		